



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN HỌC SINH – PHƯỜNG LONG BIÊN
BỮA CHÍNH VÀ BỮA PHỤ TRƯỞNG TIỂU HỌC LONG BIÊN

Tuần 11 năm học 2025-2026

(Từ ngày 17/11/2025 đến 21/11/2025)

TT	Thứ 2 (17/11)	Thứ 3 (18/11) <i>Bữa ăn học đường</i>	Thứ 4 (19/11)	Thứ 5 (20/11)	Thứ 6 (21/11)
1	Cá Basa tươi File chiên giòn	Thịt lợn kho củ cải	Thịt bò hầm sốt vang	Thịt gà sốt chua ngọt	Thịt lợn viên sốt cà chua
2	Đậu mướp sốt cà chua	Ruốc thịt gà	Đậu tằm hành	Thịt lợn xào ngũ sắc	Trứng chưng hành
3	Giá đỗ, cà rốt xào	Dưa hấu	Rau muống xào	Cải bắp xào	Su su, cà rốt xào
4	Canh mùng tơi nấu tôm nõn	Canh cải ngọt nấu thịt	Canh chua dầm me	Canh cải xanh nấu thịt	Canh bí đỏ nấu thịt băm
5	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng
6	Sữa chua Viamilk	Bánh gato Hoa Sữa	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Bánh Gibon bơ sữa	Sữa chua Vinamilk

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Hà

ĐẠI DIỆN CMHS

Long

Lưu Đình Trang

ĐẠI DIỆN CÔNG TY HOA SỮA



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Vân

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
								Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (17/11)	Cá Basa tươi File chiên giòn	Cá Basa File tươi	gram	65	105,000	6,825	40-45	Chất đốt	1,200	
	Đậu mọt sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	60-65	Nhân công	4,500	
		Cà chua	gram	15	30,000	450		Lãi dự kiến	600	
	Giá đỗ, cà rốt xào	Giá đỗ, cà rốt	gram	65	25,000	1,625	40-42	Phí quản lý	300	
	Canh mùng toi nấu tôm nõn	Mùng toi	gram	30	25,000	750	220-240	NRB+ N.lau sàn	150	
		Tôm nõn khô	gram	0.5	600,000	300		Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Nước sạch	150	
	Sữa chua Viamilk	Sữa chua Viamilk	hộp	1	5,000	5,000		VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					4,000				
	Cộng thứ 2					23,100			9,800	32,900
Thứ 3 (18/11)	Thịt lợn kho củ cải	Thịt lợn	gram	50	140,000	7,000	50-60	Chất đốt	1,200	
		Củ cải	gram	40	25,000	1,000		Nhân công	4,500	
	Ruốc thịt gà	Thịt gà file	gram	35	95,000	3,325	15-20	Lãi dự kiến	600	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	25,000	2,000	70-75	Phí quản lý	300	
	Canh cải ngọt nấu thịt	Cải ngọt	gram	30	25,000	3,500	220-240	ăn	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280		Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Nước sạch	150	
	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh gato Hoa Sữa	hộp	1	4,500	4,500		VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,500				
	Cộng thứ 3					25,505			9,800	35,305
Thứ 4 (19/11)	Thịt bò hầm sốt vang	Thịt bò	gram	50	240,000	12,000	60-65	Chất đốt	1,200	
		Khoai tây, cà rốt	gram	40	30,000	1,200		Nhân công	4,500	
	Đậu tằm hành	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	55-60	Lãi dự kiến	600	
	Rau muống xào	Rau muống	gram	90	25,000	2,250	50-55	Phí quản lý	300	
	Canh chua dầm me	Me	gram	6	50,000	300	220-240	NRB+ N.lau sàn	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Khấu hao	300	
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		Nước sạch	150	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,500		VAT	2,600	
	Cộng thứ 4					26,400			9,800	36,200



Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
								Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (20/11)	Thịt gà sốt chua ngọt	Thịt gà file	gram	90	95,000	8,550	60-65	Chất đốt	1,200	
	Thịt lợn xào ngũ sắc	Thịt lợn	gram	15	140,000	2,100	40-45	Nhân công	4,500	
		Đỗ cove	gram	15	30,000	450		Lãi dự kiến	600	
		Cà rốt	gram	7	25,000	175		Phí quản lý	300	
		Ngô ngọt hạt	gram	13	80,000	1,040		NRB+ N.lau sàn	150	
	Cải bắp xào	Cải bắp	gram	90	25,000	2,250	50-55	Khấu hao	300	
	Canh cải xanh nấu thịt	Cải xanh	gram	30	25,000	3,500	220-240	Nước sạch	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280		VAT	2,600	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300			
	Bánh Gibon bơ sữa	Bánh Gibon bơ sữa	bánh	1	3,500	3,500				
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,500				
	Cộng thứ 5					25,745			9,800	35,545
Thứ 6 (21/11)	Thịt lợn viên sốt cà chua	Thịt lợn	gram	40	140,000	5,600	60-65	Chất đốt	1,200	
		Mỡ lợn	gram	10	85,000	850		Nhân công	4,500	
		Giò sống	gram	30	135,000	4,050		Lãi dự kiến	600	
		Cà chua	gram	15	30,000	450		Phí quản lý	300	
	Trứng chưng hành	Trứng gà	quả	1	3,050	3,050	40-45	NRB+ N.lau sàn	150	
	Su su, cà rốt xào	Su su gọt vỏ, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	Khấu hao	300	
	Canh bí đỏ nấu thịt băm	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	Nước sạch	150	
		Bí đỏ	gram	30	30,000	900		VAT	2,600	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300			
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000				
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,500				
	Cộng thứ 6					26,330			9,800	36,130

